

**BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG**

**1. Diễn biến xu thế mực nước:**

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông : Mực nước cao nhất ngày tại các trạm lên theo triều; mực nước thấp nhất ngày tại các trạm tiếp tục xuống trong 1-2 ngày tới, sau đó lên chậm.
- Nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất, thấp nhất ngày tại các trạm lên chậm trong 5 ngày tới.

**2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 15/02 đến 19/02/2022**

| STT | Trạm       | sông, kênh, rạch    | Cấp báo động (m) |       |        | Đặc trưng | Mực nước thực đo (m) |                     |             | Mực nước dự báo (m) |       |       |       |       |
|-----|------------|---------------------|------------------|-------|--------|-----------|----------------------|---------------------|-------------|---------------------|-------|-------|-------|-------|
|     |            |                     | BĐ I             | BĐ II | BĐ III |           | 14/02                | So với cùng kỳ 2021 | So với TBNN | 15/02               | 16/02 | 17/02 | 18/02 | 19/02 |
| 1   | Tân Châu   | Tiền                | 3.50             | 4.00  | 4.50   | Max       | 1.27                 | -0.14               | 0.08        | 1.30                | 1.38  | 1.44  | 1.48  | 1.50  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.21                | -0.10               | -0.53       | -0.26               | -0.29 | -0.28 | -0.24 | -0.20 |
| 2   | Chợ Mới    | Ông Chường          | 2.00             | 2.50  | 3.00   | Max       | 1.36                 | -0.09               | 0.23        | 1.39                | 1.47  | 1.53  | 1.57  | 1.59  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.33                | -0.11               | -0.32       | -0.38               | -0.41 | -0.40 | -0.35 | -0.30 |
| 3   | Khánh An   | Hậu                 | 4.20             | 4.70  | 5.20   | Max       | 1.08                 | -0.14               | -0.11       | 1.23                | 1.29  | 1.33  | 1.35  | 1.36  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.15                 | -0.15               | -0.43       | 0.11                | 0.09  | 0.09  | 0.13  | 0.17  |
| 4   | Châu Đốc   | Hậu                 | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 1.45                 | -0.12               | 0.25        | 1.49                | 1.57  | 1.63  | 1.67  | 1.69  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.20                | -0.13               | -0.41       | -0.25               | -0.28 | -0.27 | -0.23 | -0.19 |
| 5   | Long Xuyên | Hậu                 | 1.90             | 2.20  | 2.50   | Max       | 1.47                 | -0.17               | 0.24        | 1.55                | 1.64  | 1.71  | 1.76  | 1.79  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.33                | -0.10               | -0.20       | -0.38               | -0.41 | -0.39 | -0.34 | -0.29 |
| 6   | Vàm Nao    | Vàm Nao             | 2.50             | 2.90  | 3.30   | Max       | 1.41                 | -0.10               | 0.23        | 1.44                | 1.52  | 1.58  | 1.62  | 1.64  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | -0.31                | -0.13               | -0.37       | -0.36               | -0.39 | -0.38 | -0.33 | -0.28 |
| 7   | Xuân Tô    | Vĩnh Tế             | 3.00             | 3.50  | 4.00   | Max       | 0.54                 | -0.15               | 0.13        | 0.55                | 0.59  | 0.62  | 0.64  | 0.65  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.25                 | -0.12               | 0.07        | 0.26                | 0.30  | 0.33  | 0.35  | 0.36  |
| 8   | Vĩnh Gia   | Vĩnh Tế             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.40                 | 0.01                | 0.09        | 0.41                | 0.44  | 0.46  | 0.47  | 0.48  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.34                 | 0.02                | 0.06        | 0.35                | 0.38  | 0.40  | 0.41  | 0.42  |
| 9   | Tri Tôn    | Tri Tôn             | 2.00             | 2.40  | 2.80   | Max       | 0.57                 | -0.02               | 0.13        | 0.59                | 0.63  | 0.66  | 0.68  | 0.69  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.25                 | -0.08               | 0.04        | 0.27                | 0.31  | 0.34  | 0.36  | 0.37  |
| 10  | Cô Tô      | Tri Tôn             | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.71                 | 0.13                | 0.30        | 0.72                | 0.75  | 0.77  | 0.78  | 0.79  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.49                 | -0.04               | 0.17        | 0.50                | 0.53  | 0.55  | 0.56  | 0.57  |
| 11  | Lò Gạch    | Tám Ngàn            | 1.70             | 2.10  | 2.50   | Max       | 0.39                 | -0.05               | 0.15        | 0.40                | 0.43  | 0.45  | 0.46  | 0.47  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.28                 | -0.08               | 0.10        | 0.29                | 0.32  | 0.34  | 0.35  | 0.36  |
| 12  | Vọng Thê   | Ba Thê              | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.83                 | 0.05                | 0.28        | 0.85                | 0.88  | 0.90  | 0.91  | 0.92  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.58                 | -0.07               | 0.19        | 0.60                | 0.63  | 0.65  | 0.66  | 0.67  |
| 13  | Vĩnh Hanh  | Núi Chóc Năng Gù    | 1.90             | 2.30  | 2.70   | Max       | 1.10                 | 0.07                | 0.31        | 1.17                | 1.20  | 1.22  | 1.23  | 1.24  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.55                 | -0.11               | 0.07        | 0.62                | 0.65  | 0.67  | 0.68  | 0.69  |
| 14  | Núi Sập    | Rạch Giá Long Xuyên | 1.40             | 1.80  | 2.20   | Max       | 0.87                 | 0.05                | 0.21        | 0.89                | 0.92  | 0.94  | 0.95  | 0.96  |
|     |            |                     |                  |       |        | Min       | 0.52                 | -0.10               | 0.04        | 0.54                | 0.57  | 0.59  | 0.60  | 0.61  |

**3. Cảnh báo (nếu có):**

**4. Ghi chú:**

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 15/02/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan